

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG
NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .09../2024/CBTT-BAF

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.

- Mã chứng khoán: BAF

- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: 0766 074 787

- E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Công bố Báo cáo tài chính Hợp Nhất Quý IV năm 2023 và Giải trình chênh lệch. (Chi tiết xem trong file gửi kèm).

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/01/2024 tại đường dẫn: <http://baf.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Hợp Nhất Quý IV năm 2023 và Giải trình chênh lệch.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.156.973.024.690	2.662.699.738.155
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	108.361.457.632	151.374.475.776
111	1. Tiền		94.536.457.632	108.574.475.776
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.825.000.000	42.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		315.000.000.000	100.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	315.000.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.093.799.063.714	1.502.476.580.095
131	1. Phải thu của khách hàng	6	890.748.893.509	1.313.962.230.556
132	2. Trả trước cho người bán	7	138.806.362.679	142.136.494.506
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	1.887.924.989
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	68.459.460.182	48.705.582.700
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		87.651.252	87.651.252
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.604.550.744.465	881.821.214.156
141	1. Hàng tồn kho		1.604.550.744.465	881.821.214.156
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.261.758.879	27.027.468.128
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10.1	31.279.858.510	23.225.601.617
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	3.928.145.184	3.742.602.246
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	53.755.185	59.264.265

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.417.058.018.606	2.066.396.354.761
210	I. Khoản phải thu dài hạn		124.399.889.200	81.702.014.200
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	375.000.000	675.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	124.024.889.200	81.027.014.200
220	II. Tài sản cố định		1.615.397.212.772	1.096.100.694.563
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.428.176.667.041	888.984.185.387
222	Nguyên giá		1.684.192.257.957	1.048.316.645.849
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(256.015.590.916)	(159.332.460.462)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	187.220.545.731	207.116.509.176
228	Nguyên giá		192.815.486.000	212.584.171.376
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.594.940.269)	(5.467.662.200)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	14.649.842.650
231	1. Nguyên giá	15	-	15.175.990.712
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	(526.148.062)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		905.098.299.774	353.356.265.502
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang	16	905.098.299.774	353.356.265.502
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		250.000.000	29.505.972.462
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5	-	29.505.972.462
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		771.912.616.860	491.081.565.384
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.2	706.355.213.030	483.390.784.371
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		34.354.760.745	4.774.928.657
269	3. Lợi thế thương mại	12	31.202.643.085	2.915.852.356
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.574.031.043.296	4.729.096.092.916

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.667.434.049.099	2.986.428.033.002
310	I. Nợ ngắn hạn		3.057.062.684.483	2.291.719.028.034
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.204.904.214.362	1.900.920.607.966
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	31.395.012.570	8.632.664.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	18.024.915.017	54.752.938.089
314	4. Phải trả người lao động		34.419.808.437	23.660.558.031
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	47.273.165.736	30.633.186.645
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	17.382.252.896	8.718.476.183
320	7. Vay ngắn hạn	22.1	703.663.315.465	264.400.597.034
330	II. Nợ dài hạn		1.610.371.364.616	694.709.004.968
338	1. Vay dài hạn	22.2	1.156.062.173.955	692.905.367.577
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	22.2	452.505.553.270	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.803.637.391	1.803.637.391
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.906.596.994.197	1.742.668.059.914
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.906.596.994.197	1.742.668.059.914
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		137.648.613.977	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		317.859.340.817	298.655.201.455
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy đến cuối năm trước		298.655.201.455	11.967.807.977
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.204.139.362	286.687.393.478
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		15.889.039.403	8.812.858.459
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.574.031.043.296	4.729.096.092.916

Vũ Thị Đan Thùy
Người lập

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 - 2023	Quý 4 - 2022	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu về bán hàng	24.1	1.625.072.566.985	2.159.076.836.318	5.255.881.886.406	7.085.368.377.828
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(60.240.000)	(881.231.238)	(5.445.425.109)	(1.950.028.570)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	24.1	1.625.012.326.985	2.158.195.605.080	5.250.436.461.297	7.083.418.349.258
11	Giá vốn hàng bán	25	(1.583.790.564.648)	(2.095.706.114.984)	(4.910.473.267.451)	(6.558.010.136.271)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		41.221.762.337	62.489.490.096	339.963.193.846	525.408.212.987
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	11.268.408.408	4.008.906.102	37.681.865.713	8.337.144.783
22	Chi phí tài chính	26	(55.126.819.018)	(25.416.530.070)	(164.289.273.758)	(31.212.497.153)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.739.792.335)	(24.127.334.712)	(162.732.667.511)	(36.331.151.929)
24	Lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh		-	-	-	831.315.671
25	Chi phí bán hàng	27	(25.882.420.510)	(22.310.332.708)	(94.202.331.629)	(72.229.870.717)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(26.156.994.072)	(24.830.803.844)	(96.302.017.921)	(87.624.647.284)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(54.676.062.855)	(6.059.270.424)	22.851.436.251	343.509.658.287
31	Thu nhập khác		10.304.448.420	21.011.410.412	1.343.245.199	1.007.084.613
32	Chi phí khác		-	(3.009.683.112)	(9.387.203.105)	(5.638.958.195)
40	(Lỗ) lãi khác	29	10.304.448.420	18.001.727.300	(8.043.957.906)	(4.631.873.582)
50	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(44.371.614.435)	11.942.456.876	14.807.478.345	338.877.784.705
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(13.014.143.598)	(9.191.715.838)	(20.286.398.743)	(56.593.281.979)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		27.927.307.525	3.980.620.925	28.863.904.759	5.494.235.722
60	(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế TNDN		(29.458.450.508)	6.731.361.963	23.384.984.361	287.778.738.448
61	(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(30.805.112.988)	6.552.296.596	19.955.048.783	286.687.393.478
62	Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát		1.346.662.480	179.065.367	3.429.935.578	1.091.344.970
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-	163	2.592
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-	163	2.592



Vũ Thị Đan Thùy
Người lập

Ngày 27 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng

Bùi Hương Giang
Tổng Giám Đốc



11/1 < 2 X 2 10.11

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		14.807.478.345	338.877.784.705
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		102.635.126.328	58.810.149.507
03	Các khoản dự phòng		-	(3.611.529.425)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(232.284.234)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(29.706.719.621)	(4.862.686.816)
06	Chi phí lãi vay	26	162.732.667.511	36.331.151.929
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		250.468.552.563	425.312.585.666
09	Giảm các khoản phải thu		343.593.671.075	1.424.056.001.156
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(722.729.530.309)	205.896.943.959
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		374.238.857.564	(2.040.511.128.453)
12	Tăng chi phí trả trước		(256.410.140.336)	(303.400.117.364)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	65.097.500.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(144.859.661.292)	(27.870.178.823)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(57.453.419.749)	(17.978.509.653)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(213.151.670.484)	(269.396.903.512)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.153.172.964.705)	(504.465.486.036)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho đơn vị khác vay		(215.250.000.000)	(101.887.924.989)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.887.924.989	16.435.809.256
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.100.000.000	14.983.824.894
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	(3.574.081.081)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.322.435.039.716)	(578.507.857.956)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.150.845.374.909	882.785.285.130
34	Tiền trả nợ gốc vay		(658.271.682.853)	(124.392.676.214)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.492.573.692.056	758.392.608.916

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(43.013.018.144)	(89.512.152.552)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		151.374.475.776	240.885.247.960
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.380.368
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	108.361.457.632	151.374.475.776

Vũ Thị Đan Thùy
Người lập

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 18 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2023.

1.1 Lĩnh vực kinh doanh : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,

1.2 Ngành nghề kinh doanh :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

1.4 Danh sách các công ty con được hợp nhất Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 5,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,40%	99,40%

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	Lô B1 KCN Minh Hưng – Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	Tổ 6, Ấp 4, Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	Ấp Kà Ốt, Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi	G18B, Khu phố 5, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh BaF	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Tây An Khánh	Khu phố 2, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	79,9%	79,9%
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải	100%	100%

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1.5 Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST: 0107795944-003
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội MST: 0107795944-004
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, Đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST: 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	D4, Khu nhà xưởng xây sẵn lô B, đường Long Hậu – Hiệp Phước, KCN Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam MST: 0107795944-007
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Bà Rịa Vũng Tàu (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc).	Đường 2A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam MST : 0107795944-006
Địa điểm kinh doanh Hòa Bình 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Xóm Quê Sụ, xã Cao Răm, Lương Sơn, Hòa Bình. MST: 0107795944-001
Địa điểm kinh doanh Vĩnh Phúc 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Nhật Chiêu 7, xã Châu Liêm, Yên Lạc, Vĩnh Phúc MST: 0107795944-002
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam MST: 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST: 0107795944-004
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn 3, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST: 0107795944-005
Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam MST: 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liêm 20, ấp cây Dâu, xã Hiếu Liêm, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam MST: 0107795944-008

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

3.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

3.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Tiền thuê đất trả trước 1 lần

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trại trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

3.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46 – 50
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác (Heo)	04

3.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.15 Vay, nợ phải trả thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vay, nợ phải trả thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Vay và nợ thuê tài chính

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

3.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố..

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.19 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

3.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn/Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn/Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn/Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn/Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn/Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn/Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm, thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường, được trình bày ở thuyết minh số 30.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	3.995.188.794	1.273.540.219
Tiền gửi ngân hàng	90.541.268.838	107.300.935.557
Các khoản tương đương tiền	13.825.000.000	42.800.000.000
TỔNG CỘNG	108.361.457.632	151.374.475.776

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị đầu tư	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Giá trị
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Công ty Cổ Phần Siba Food Việt Nam	-	-	10,20	29.505.972.462

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại, có kỳ hạn còn lại trên ba (3) tháng dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 3,25%/năm đến 6,80%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ các bên khác	818.896.600.043	1.255.248.826.671
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	266.080.131.000	187.704.034.380
Công Ty Cổ Phần Điều Organic Bissau	383.088.754.500	-
Công Ty Cổ Phần Kho Vận An Phú	146.596.623.000	-
Công ty Cổ phần Việt Phi	-	434.934.149.750
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang	-	329.134.804.490
Các bên khác	23.131.091.543	303.475.838.051
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	71.852.293.466	58.713.403.885
TỔNG CỘNG	890.748.893.509	1.313.962.230.556

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho các bên khác	76.575.335.196	69.451.992.236
Công ty CP chăn nuôi Greentech	18.300.000.000	-
Công ty TNHH Pigtek Việt Nam	12.614.051.519	13.095.064.146
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Green	5.179.465.620	10.181.365.620
Ông Phạm Hùng Thắng	-	8.378.343.000
Các bên khác	40.481.818.057	37.797.219.470
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	62.231.027.483	72.684.502.270
TỔNG CỘNG	138.806.362.679	142.136.494.506

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

			VND
Bên vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Cho bên khác vay dài hạn			
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội	375.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2025	8,50

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	68.459.460.182	48.705.582.700
Tạm ứng nhân viên	8.670.533.450	2.682.603.506
Đặt cọc	4.979.360.000	-
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	19.640.362.522	19.640.362.522
Khác	35.169.204.210	26.382.616.672
Dài hạn	124.024.889.200	81.027.014.200
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	110.529.889.200	57.897.014.200
Đặt cọc xây dựng công trình trại	7.350.000.000	23.130.000.000
Khác	6.145.000.000	-
TỔNG CỘNG	192.484.349.382	129.732.596.900
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
GIÁ TRỊ THUẦN	188.181.045.474	125.429.292.992

Tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Từ 01.01.2023 đến 31.12.2023	Từ 01.01.2022 đến 31.12.2022
Số đầu năm	4.303.303.908	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	4.303.303.908
Số cuối năm	4.303.303.908	4.303.303.908

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thuê đất	343.631.936.115	278.513.315.502
Gia súc	310.425.437.074	188.844.195.255
Công cụ, dụng cụ	20.400.963.024	10.395.785.119
Dịch vụ mua ngoài	8.295.025.568	-
Khác	23.601.851.249	5.637.488.495
TỔNG CỘNG	706.355.213.030	483.390.784.371

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.321.998.072.308	803.559.549.462
Nguyên vật liệu	164.626.436.403	58.573.416.519
Công cụ, dụng cụ	89.915.878.945	8.957.657.524
Thành phẩm	10.834.719.054	8.330.948.253
Hàng mua đang đi trên đường	16.781.215.197	1.805.523.929
Hàng hóa	394.422.558	594.118.469
TỔNG CỘNG	1.604.550.744.465	881.821.214.156

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu năm	2.915.852.356
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	28.665.736.779
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(378.946.050)
Cộng	31.202.643.085

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	785.109.845.667	191.768.790.071	51.258.392.726	7.213.004.508	12.966.612.877	1.048.316.645.849
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	22.172.859.805	13.570.756.667	1.471.918.000	5.803.471.298	1.767.655.242	44.786.661.012
Mua trong năm	479.002.997.301	115.669.274.168	245.000.000	3.491.047.436	5.183.268.501	603.591.587.406
Thanh lý trong năm	(757.164.100)	(2.158.547.472)	-	-	(9.586.924.738)	(12.502.636.310)
Số cuối năm	1.285.528.538.673	318.850.273.434	52.975.310.726	16.507.523.242	10.330.611.882	1.684.192.257.957
Khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(117.917.134.357)	(24.097.726.627)	(10.122.747.662)	(1.701.710.977)	(5.493.140.839)	(159.332.460.462)
Khấu hao trong năm	(69.382.961.021)	(21.582.374.387)	(6.291.262.519)	(1.568.726.227)	(3.708.677.754)	(102.534.001.908)
Thanh lý trong năm	-	18.058.530	-	-	5.832.812.924	5.850.871.454
Số cuối năm	(187.300.095.378)	(45.662.042.484)	(16.414.010.181)	(3.270.437.204)	(3.369.005.669)	(256.015.590.916)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	667.192.711.310	167.671.063.444	41.135.645.064	5.511.293.531	7.473.472.038	888.984.185.387
Số cuối năm	1.098.228.443.295	273.188.230.950	36.561.300.545	13.237.086.038	6.961.606.213	1.428.176.667.041

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.517.995.376	11.066.176.000	212.584.171.376
Mua trong năm	-	900.000.000	900.000.000
Phân loại lại	(20.668.685.376)	-	(20.668.685.376)
Số cuối năm	180.849.310.000	11.966.176.000	192.815.486.000
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.512.342.819)	(3.955.319.381)	(5.467.662.200)
Hao mòn trong năm	-	(1.627.379.408)	(1.627.379.408)
Phân loại lại	1.512.342.819	(12.241.480)	1.500.101.339
Số cuối năm	-	(5.594.940.269)	(5.594.940.269)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	200.005.652.557	7.110.856.619	207.116.509.176
Số cuối năm	180.849.310.000	6.371.235.731	187.220.545.731

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	15.175.990.712	(526.148.062)	14.649.842.650
Giảm trong năm	(15.175.990.712)	526.148.062	(14.649.842.650)
Số cuối năm	-	-	-

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị tại các nhà máy sản xuất và các trại chăn nuôi. Thông tin chi tiết như sau

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Xây dựng trại	786.429.580.134	319.670.209.880
Khác	118.668.719.640	33.686.055.622
TỔNG CỘNG	905.098.299.774	353.356.265.502

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho bên khác	2.179.802.046.174	1.864.507.429.097
Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	373.804.077.895	67.164.437.600
Công Ty Cổ Phần Nông Sản Tzan Quốc Tế	320.049.249.300	79.893.844.100
Công Ty Cổ Phần Nông Sản Mogb Quốc Tế	290.096.321.550	164.637.498.100
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	162.451.748.650	321.132.694.900
Công Ty Cổ Phần Gạo Vì Dân	-	183.078.952.800
Các bên khác	1.033.400.648.779	1.048.600.001.597
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	25.102.168.188	36.413.178.869
TỔNG CỘNG	2.204.904.214.362	1.900.920.607.966

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước từ các bên khác	31.395.012.570	8.632.156.786
Công ty Cổ Phần Nông Sản Phú Nông	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	-	2.594.921.000
Các bên khác	1.395.012.570	6.037.235.786
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	507.300
TỔNG CỘNG	31.395.012.570	8.632.664.086

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.742.602.246	2.701.601.872	(2.462.303.749)	3.981.900.369
Thuế thu nhập cá nhân	3.814.826	-	(3.814.826)	-
Thuế khác	55.449.439	-	(55.449.439)	-
TỔNG CỘNG	3.801.866.511	2.701.601.872	(2.521.568.014)	3.981.900.369
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.972.734.687	20.286.398.743	(57.453.419.749)	15.805.713.681
Thuế giá trị gia tăng	343.568.802	6.419.835.088	(5.259.385.147)	1.504.018.743
Thuế thu nhập cá nhân	1.436.634.600	2.383.143.582	(3.104.595.589)	715.182.593
Thuế khác	-	2.292.571.859	(2.292.571.859)	-
TỔNG CỘNG	54.752.938.089	31.381.949.272	(68.109.972.344)	18.024.915.017

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.438.294.354	12.594.105.000
Chi phí lãi vay	26.333.979.325	8.460.973.106
Chi phí vận chuyển	720.809.880	1.808.389.057
Khác	5.780.082.177	7.769.719.482
TỔNG CỘNG	47.273.165.736	30.633.186.645

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.750.819.848	-
Kinh phí công đoàn	417.066.880	-
Lợi nhuận phải trả	3.120.000.000	-
Khác	11.094.366.168	8.718.476.183
TỔNG CỘNG	17.382.252.896	8.718.476.183

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

22.1 Vay ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn ngân hàng	603.820.865.920	203.278.644.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	279.000.000.000	198.340.644.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	163.620.561.000	4.938.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định	90.839.914.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao Dịch 2	70.360.390.920	-
Vay dài hạn đến hạn trả	99.842.449.545	61.121.953.034
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	45.283.363.148	40.112.914.425
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu	23.471.518.073	1.017.198.609
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	10.011.478.324	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.886.640.000	7.886.640.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	6.821.450.000	6.337.200.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Đồng Nai	6.368.000.000	5.768.000.000
TỔNG CỘNG	703.663.315.465	264.400.597.034

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay dài hạn ngân hàng	582.891.034.175	403.408.054.280
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vũng Tàu	255.549.837.642	80.358.690.364
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	187.374.088.809	232.657.451.957
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	70.080.348.265	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	28.952.000.000	35.320.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	27.900.608.459	34.151.120.959
Ngân hàng TMCP Á Châu	13.034.151.000	20.920.791.000
Trái phiếu thường dài hạn	573.171.139.780	289.497.313.297
Mệnh giá	600.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí phát hành	(26.828.860.220)	(10.502.686.703)
Trái phiếu chuyển đổi	452.505.553.270	-
Cơ cấu nợ gốc (*)	475.923.405.912	-
Chi phí phát hành	(23.417.852.642)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.608.567.727.225</u>	<u>692.905.367.577</u>

(*) Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi 600.000.000.000 VND, trong đó cơ cấu vốn 137.648.613.977 VND được ghi nhận tại Vốn chủ sở hữu và cơ cấu nợ gốc còn lại 475.923.405.912 VND được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán trong tương lai theo lãi suất vay tương đương trên thị trường đến thời điểm lập báo cáo.



Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	780.000.000.000	279.844.500.000	7.650.663.489	-	387.323.307.977	1.454.818.471.466
Tăng vốn trong năm	655.200.000.000	(279.844.500.000)	-	-	(375.355.500.000)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát do hợp nhất	-	-	70.850.000	-	-	70.850.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.091.344.970	-	286.687.393.478	287.778.738.448
Số cuối năm	1.435.200.000.000	-	8.812.858.459	-	298.655.201.455	1.742.668.059.914
Năm nay						
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	8.812.858.459	-	298.655.201.455	1.742.668.059.914
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	137.648.613.977	-	137.648.613.977
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	3.646.245.366	-	(750.909.421)	2.895.335.945
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.429.935.578	-	19.955.048.783	23.384.984.361
Số cuối năm	1.435.200.000.000	-	15.889.039.403	137.648.613.977	317.859.340.817	1.906.596.994.197

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	581.029.000.000	40,48	563.539.500.000	39,3
Bà Bùi Hương Giang	46.690.000.000	3,26	48.463.500.000	3,3
Các cổ đông khác	807.481.000.000	56,26	823.197.000.000	57,4
TỔNG CỘNG	1.435.200.000.000	100,00	1.435.200.000.000	100,00

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu về bán hàng

	Năm nay	Năm trước
		VND
Tổng doanh thu	5.255.881.886.406	7.085.368.377.828
Trong đó:		
Doanh thu bán nông sản	3.939.284.226.943	5.708.396.788.334
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	1.257.637.730.635	1.372.699.902.228
Doanh thu bán cám	34.857.636.700	3.109.869.086
Doanh thu bán BĐS đầu tư	23.856.502.596	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	245.789.532	1.161.818.180
Trừ:		
Chiết khấu thương mại	(5.346.019.109)	-
Giảm giá hàng bán	(54.900.000)	-
Hàng bán trả lại	(44.506.000)	(1.950.028.570)
Doanh thu thuần	5.250.436.461.297	7.083.418.349.258

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
		VND
Lãi chuyển nhượng	14.700.000.000	2.040.483.025
Lãi tiền gửi và cho vay	21.372.045.197	4.862.686.814
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	100.646.837	668.971.866
Lãi từ giảm tỷ lệ sở hữu công ty liên kết	-	24.205.211
Khác	1.509.173.679	740.797.867
TỔNG CỘNG	37.681.865.713	8.337.144.783

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nông sản	3.856.224.883.195	5.554.055.245.834
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	1.007.063.758.793	996.385.857.403
Giá vốn bán cám	32.353.114.293	7.305.959.002
Giá vốn bán BĐS đầu tư	14.594.681.967	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	236.829.203	263.074.032
TỔNG CỘNG	4.910.473.267.451	6.558.010.136.271

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	162.732.667.511	36.331.151.929
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.079.777.677	1.298.865.260
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.497.313.297
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(7.914.833.333)
Khác	476.828.570	-
TỔNG CỘNG	164.289.273.758	31.212.497.153

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	16.029.374.040	17.951.370.795
Chi phí vận chuyển, dịch vụ mua ngoài	64.998.684.129	44.898.549.899
Chi phí khấu hao	6.711.621.642	2.949.829.805
Khác	6.462.651.818	6.430.120.218
TỔNG CỘNG	94.202.331.629	72.229.870.717

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	55.961.762.304	50.048.697.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.729.483.659	9.503.370.516
Chi phí khấu hao	1.700.338.506	2.409.158.701
Khác	24.910.433.452	25.663.420.329
TỔNG CỘNG	96.302.017.921	87.624.647.284

959
G T
PHÂN
GH
F
NAM
Đ C

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.343.245.199	1.007.084.613
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	213.723.711	400.000.000
Các khoản khác	1.129.521.488	607.084.613
Chi phí khác	(9.387.203.105)	(5.638.958.195)
Chi phí các cơ sở chưa hoạt động	(6.146.126.287)	(3.218.396.696)
Các khoản phạt	(748.674.873)	-
Chi phí khác	(2.492.401.945)	(2.420.561.499)
LỖ KHÁC THUẦN	(8.043.957.906)	(4.631.873.582)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng	182.194.098.855	377.294.624.486
		Mua hàng	7.346.560.559	2.106.818.533
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao SIBA	Bên liên quan	Mua hàng	547.189.019.880	197.041.538.281
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty có cùng chủ tịch	Mua hàng	-	80.244.833.350
		Bán hàng	9.972.000	46.360.615.286

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng	71.852.293.466	58.713.403.885



Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao SIBA	Bên liên quan	Tạm ứng xây dựng trại	62.231.027.483	72.684.502.270
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty có cùng chủ tịch	Mua hàng	182.084.109	22.057.351.759
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ Khí Công nghệ cao SIBA	Bên liên quan	Mua hàng	21.103.144.428	13.334.356.825
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Bên liên quan	Mua hàng	3.813.579.663	1.021.470.285
Công ty Cổ phần Lương Thực A An TPHCM	Bên liên quan	Mua hàng	3.359.988	-
TỔNG CỘNG			25.102.168.187	36.413.178.869

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty có cùng chủ tịch	Khác	-	507.300
-----------------------------------	--------------------------	------	---	---------

Vũ Thị Đan Thủy
Người lập

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Số: 26.1/BAF-CV

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên
BCTC hợp nhất quý IV/2023 so với cùng
kỳ năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 1 năm 2024

- Kính gửi:**
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận sau thuế Quý IV	(30,805,112,988)	6,552,296,596	(36,189,812,471)	-538%
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 12 tháng	23,384,984,361	287,778,738,448	(264,393,754,087)	-92%

Năm 2023, mặc dù là một năm đầy thách thức cho ngành chăn nuôi lợn và nền kinh tế Việt Nam, Công ty chúng tôi đã bám sát chiến lược và bản lĩnh vượt qua những khó khăn, tiếp tục phát triển trang trại và nâng quy mô đàn lên gấp đôi so với đầu năm. Quy mô tổng đàn đạt hơn 300.000 con nái / thịt. Mặc khác, trong ngắn hạn, lợi nhuận đã chịu nhiều tác động dẫn đến sụt giảm, các nguyên nhân bao gồm

- Giá bán: Giá bán từ đầu năm duy trì ở nền thấp và tạo đáy vào Quý 4/2023;
- Tình hình chung của kinh tế vĩ mô khó khăn ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng;
- Sản lượng heo bán ra chưa tăng tương ứng với quy mô đàn. Các trang trại mới được đưa vào vận hành cần thời gian cho lứa đầu, điểm rơi sản lượng đầu ra sẽ bán vào năm 2024;
- Từ sau tháng 5, công ty đã giữ lại toàn bộ lượng heo cai sữa để nuôi lớn bán thịt thay vì phải bán heo cai sữa sớm như trước đây. Điều này giúp BAF không bị buộc phải bán heo cai sữa trong giai đoạn thị trường giá thấp đồng thời tối ưu được lợi ích kinh tế khi bán heo thịt. Tuy nhiên, điều này đồng nghĩa cũng kéo 1 phần sản lượng 2023 dời sang 2024.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu PKT, HC.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG
NGHIỆP
BAF VIỆT
NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Thành phố Thủ Đức, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107795944
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.01.27 17:09:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Hương Giang